

## BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 01 năm 2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành Công ty Công ty CP Phát Hành Sách Khánh Hòa ngày 19/05/2022 và các phụ lục điều lệ sửa đổi, bổ sung.
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên số 244/2026/BBH-ĐHĐCĐ và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 244/2026/NQ-ĐHĐCĐ được thông qua ngày 24/04/2026;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 2506/2026/BBH-HĐQT và Quyết định số 2506/2026/QĐ-HĐQT ngày 25/06/2026 về việc tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 1507/2026/BBH-HĐQT và Quyết định số 1507/2026/QĐ-HĐQT ngày 15/07/2026 về việc thông qua các nội dung lấy ý kiến, hồ sơ gửi cổ đông và thời gian lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

Hội đồng Quản trị tổ chức kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, bao gồm các nội dung sau:

### A. Thời gian, địa điểm:

- Thời gian: vào lúc 08 giờ 00 phút, ngày 27 tháng 07 năm 2026.
- Địa điểm: tại trụ sở chính Công ty CP Phát Hành Sách Khánh Hòa - 34 Thống Nhất, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

### B. Thông tin Công ty:

- Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH KHÁNH HÒA
- Địa chỉ : 34 Thống Nhất, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
- Điện thoại : (0258) 730 3399
- Giấy ĐKDN số: 4200535578 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa (nay là Sở tài chính tỉnh Khánh Hòa) cấp lần đầu ngày 27/10/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 23/09/2025.

### C. Thành phần Kiểm phiếu:

#### Hội đồng Quản trị gồm:

1. Ông Hoàng Thanh Bình – Chủ tịch Hội đồng Quản trị – Chủ tọa cuộc họp.
2. Bà Nguyễn Thị Minh Quang – Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
3. Bà Nguyễn Thị Tuất – Thành viên Hội đồng Quản trị.

Hội đồng Quản trị thống nhất cử:

Người kiểm phiếu – Thư ký:

Bà Nguyễn Thị Thúy Oanh (Người phụ trách quản trị Công ty).

**Người Giám sát kiểm phiếu:**

Bà Nguyễn Thị Linh Huệ – Trưởng Ban kiểm soát.

Cùng tiến hành kiểm tra và mở phong bì đựng Phiếu lấy ý kiến của cổ đông gửi về Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty để kiểm phiếu như sau:

**I. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:**

Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản:

- **Nội dung 1:** Thông qua Tờ trình số 2506/2026/TTr-ĐHĐCĐ ngày 25/06/2026 về việc thông qua phương án chào bán thêm cổ phần ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ thay thế cho phương án đã được thông qua tại Điều 6 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 244/2026NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2026.
- **Nội dung 2:** Thông qua Dự thảo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2026.

**II. Tiến hành kiểm phiếu và kết quả kiểm phiếu:**

**1. Tình trạng Phiếu lấy ý kiến:**

Tính đến 17 giờ 00 phút ngày **26/07/2026**.

- Hình thức nhận Phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản: Trực tiếp hoặc chuyển phát nhanh qua đường bưu điện.
- Tại thời điểm kiểm phiếu, các Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty trực tiếp hoặc chuyển phát nhanh qua đường bưu điện được đựng trong phong bì dán kín và không được mở trước thời điểm kiểm phiếu.

Tổng số phiếu lấy ý kiến tham gia biểu quyết của cổ đông gửi về cho Công ty là **85 phiếu hợp lệ**.

**2. Thông tin số Phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:**

- Tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty là **5.000.000** cổ phiếu.
- Tổng số cổ đông và đại diện cổ đông được gửi Phiếu lấy ý kiến là **128 cổ đông**, đại diện cho **5.000.000** cổ phần tương đương với số vốn điều lệ hiện hành là **50.000.000.000 (Năm mươi tỷ) đồng**.
- Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản: Tất cả cổ đông theo danh sách Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) chốt ngày 10/07/2026.
- Thời gian lấy ý kiến: từ **ngày 15/07/2026 đến 17h00 ngày 26/07/2026**.

**3. Kết quả kiểm phiếu:**

- Tổng số phiếu lấy ý kiến phát ra theo địa chỉ đăng ký của cổ đông. **128 phiếu**, tương ứng 5.000.000 cổ phiếu, chiếm 100% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Trong đó:
  - Số lượng Phiếu gửi thư qua chuyển phát: **75 phiếu**.
  - Số lượng Phiếu gửi thư trực tiếp: **53 phiếu**.

- Tổng số Phiếu lấy ý kiến thu về được tính là Phiếu tham gia biểu quyết. **85** Phiếu lấy ý kiến, tương ứng **4.803.933** cổ phiếu, chiếm 96,08 % tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết.
- Số lượng Phiếu gửi thư qua chuyển phát: **15 phiếu.**
- Số lượng Phiếu gửi thư trực tiếp: **70 phiếu.**
- Tổng số Phiếu lấy ý kiến cổ đông không gửi về Công ty được tính là : **43** phiếu, tương ứng **196.067** cổ phiếu, chiếm 3,92% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết.

**Như vậy, tổng số cổ đông tham gia biểu quyết là 85 cổ đông, tương ứng 4.803.933 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 96,08 % cổ phiếu có quyền biểu quyết.**

*Đính kèm biên bản này là Phụ lục Danh sách cổ đông tham gia biểu quyết.*

#### **4. Kết quả biểu quyết:**

- **Nội dung 1:** Thông qua Tờ trình số 2506/2026/TTr-ĐHĐCĐ ngày 25/06/2026 về việc thông qua phương án chào bán thêm cổ phần ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ thay thế cho phương án đã được thông qua tại Điều 6 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 244/2026NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2026.

| <b>Nội dung biểu quyết</b>   | <b>Số phiếu</b> | <b>Tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết</b> | <b>Tỷ lệ (%)</b> |
|------------------------------|-----------------|---------------------------------------------|------------------|
| Biểu quyết “Tán thành”       | 78              | 4.788.327                                   | <b>99,68%</b>    |
| Biểu quyết “Không tán thành” | 0               | 0                                           | <b>0</b>         |
| Biểu quyết “Không có ý kiến” | 7               | 15.606                                      | <b>0,32%</b>     |

- **Nội dung 2:** Thông qua Dự thảo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2026.

| <b>Nội dung biểu quyết</b>   | <b>Số phiếu</b> | <b>Tổng số Cổ phiếu có quyền biểu quyết</b> | <b>Tỷ lệ (%)</b> |
|------------------------------|-----------------|---------------------------------------------|------------------|
| Biểu quyết “Tán thành”       | 76              | 4.769.850                                   | <b>99,29%</b>    |
| Biểu quyết “Không tán thành” | 0               | 0                                           | <b>0</b>         |
| Biểu quyết “Không có ý kiến” | 9               | 34.083                                      | <b>0,71%</b>     |

### **III. Các vấn đề đã được thông qua:**

Căn cứ kết quả biểu quyết, quy định Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty CP Phát Hành Sách Khánh Hòa, Đại hội đồng cổ đông đã thống nhất thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua Tờ trình số 2506/2026/TTr-ĐHĐCĐ ngày 25/06/2026 về việc thông qua phương án chào bán thêm cổ phần ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ thay thế cho phương án đã được thông qua tại Điều 6 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 244/2026NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2026, với tỷ lệ tán thành là: **99,68 %.**
2. Thông qua Dự thảo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2026 với tỷ lệ tán thành là: **99,29 %.**

Ban Kiểm phiếu cam kết tính trung thực của Biên bản này. Công tác kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông kết thúc lúc 15 giờ 00 phút cùng ngày.

Biên bản này được lập 01 bản chính lưu tại Công ty Cổ Phần Phát hành Sách Khánh Hòa.

Biên bản kiểm phiếu này đã được Người Kiểm phiếu đọc lại cho tất cả các thành viên tham gia và Người giám sát kiểm phiếu. Tất cả thành viên tham gia và Người giám sát kiểm phiếu xác nhận thống nhất toàn bộ nội dung Biên bản kiểm phiếu này và cùng đồng ý ký tên dưới đây.

**CHỮ KÝ BAN KIỂM PHIẾU - BAN GIÁM SÁT**

**NGƯỜI KIỂM PHIẾU -  
THƯ KÝ**



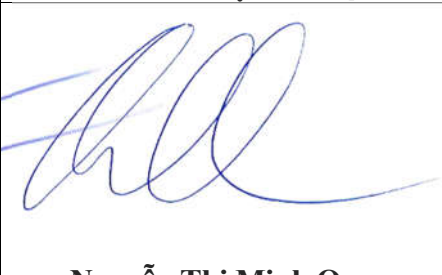
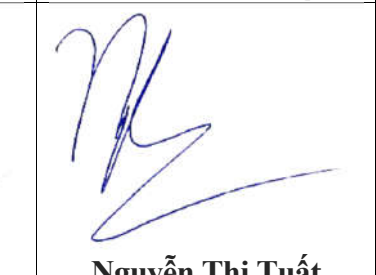
**Nguyễn Thị Thúy Oanh**

**NGƯỜI GIÁM SÁT KIỂM PHIẾU**



**Nguyễn Thị Linh Huệ**

**CHỮ KÝ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

| Chủ tịch HĐQT – Chủ tọa                                                                                       | Phó Chủ tịch HĐQT                                                                                                   | Thành viên HĐQT                                                                                                |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <br><b>Hoàng Thanh Bình</b> | <br><b>Nguyễn Thị Minh Quang</b> | <br><b>Nguyễn Thị Tuất</b> |

**CÔNG TY CỔ  
PHẦN PHÁT  
HÀNH SÁCH  
KHÁNH HÒA**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ  
PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH KHÁNH  
HÒA  
DN: C=VN, L=KHÁNH HÒA, CN=  
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH  
SÁCH KHÁNH HÒA,  
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=  
MST:4200535578  
Reason: I am the author of this  
document  
Location:  
Date: 2026.07.28 13:32:10+07'00'  
Foxit PDF Editor Version: 12.0.2

## DANH SÁCH CÔ ĐỒNG LÂY Ý KIẾN THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ 2026

(Đính kèm Biên bản kiểm phiếu số 2707/2026/BBKP - PHS ngày 27/07/2026)

| Số TT | Họ tên                     | Tổng số CP | Thành tiền  | Tỷ lệ  | Phiếu<br>hợp lệ số<br>1, Không<br>hợp lệ - | Số cổ phần<br>đại diện có<br>quyền biểu<br>quyết | NỘI DUNG 1_TỜ TRÌNH PHƯƠNG<br>ÁN CHÀO BÁN |                    |                    | NỘI DUNG 2_THÔNG QUA NGHỊ<br>QUYẾT |                    |                    |
|-------|----------------------------|------------|-------------|--------|--------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------|--------------------|------------------------------------|--------------------|--------------------|
|       |                            |            |             |        |                                            |                                                  | Tán thành                                 | Không tán<br>thành | Không có<br>ý kiến | Tán thành                          | Không tán<br>thành | Không có<br>ý kiến |
| 1     | Diệp Thị Minh Huyền        | 500        | 5,000,000   | 0.01%  | 1                                          | 500                                              | 500                                       | 0                  | 0                  | 500                                | 0                  | 0                  |
| 2     | Dương Kiều Ngọc Quỳnh Trâm | 351        | 3,510,000   | 0.01%  | 1                                          | 351                                              | 351                                       | 0                  | 0                  | 351                                | 0                  | 0                  |
| 3     | Hoàng Hải Sơn              | 108        | 1,080,000   | 0.002% | -                                          | 0                                                | 0                                         | 0                  | 0                  | 0                                  | 0                  | 0                  |
| 4     | Hoàng Thanh Bình           | 9,000      | 90,000,000  | 0.18%  | 1                                          | 9,000                                            | 9,000                                     | 0                  | 0                  | 9,000                              | 0                  | 0                  |
| 5     | Hoàng Thị Hương            | 3,000      | 30,000,000  | 0.06%  | 1                                          | 3,000                                            | 3,000                                     | 0                  | 0                  | 3,000                              | 0                  | 0                  |
| 6     | Hoàng Thị Tố Như           | 200        | 2,000,000   | 0.00%  | -                                          | 0                                                | 0                                         | 0                  | 0                  | 0                                  | 0                  | 0                  |
| 7     | Huỳnh Kim Tuyến            | 500        | 5,000,000   | 0.01%  | -                                          | 0                                                | 0                                         | 0                  | 0                  | 0                                  | 0                  | 0                  |
| 8     | Huỳnh Thị Mỹ Lệ            | 10,218     | 102,180,000 | 0.20%  | -                                          | 0                                                | 0                                         | 0                  | 0                  | 0                                  | 0                  | 0                  |
| 9     | Huỳnh Thị Thanh Bình       | 500        | 5,000,000   | 0.01%  | 1                                          | 500                                              | 500                                       | 0                  | 0                  | 500                                | 0                  | 0                  |
| 10    | Hà Thị Chính               | 10,011     | 100,110,000 | 0.20%  | 1                                          | 10,011                                           | 10,011                                    | 0                  | 0                  | 10,011                             | 0                  | 0                  |
| 11    | Hà Văn Sanh                | 700        | 7,000,000   | 0.01%  | -                                          | 0                                                | 0                                         | 0                  | 0                  | 0                                  | 0                  | 0                  |
| 12    | Hồ Đăng Hào                | 500        | 5,000,000   | 0.01%  | 1                                          | 500                                              | 500                                       | 0                  | 0                  | 500                                | 0                  | 0                  |
| 13    | Hồ Chánh Trung             | 2,281      | 22,810,000  | 0.05%  | 1                                          | 2,281                                            | 0                                         | 0                  | 2,281              | 0                                  | 0                  | 2,281              |
| 14    | Lê Thương Hoài             | 655        | 6,550,000   | 0.01%  | 1                                          | 655                                              | 0                                         | 0                  | 655                | 0                                  | 0                  | 655                |
| 15    | Lê Thị Minh Hà             | 7,371      | 73,710,000  | 0.15%  | -                                          | 0                                                | 0                                         | 0                  | 0                  | 0                                  | 0                  | 0                  |
| 16    | Lê Thị Thanh Thúy          | 300        | 3,000,000   | 0.01%  | 1                                          | 300                                              | 300                                       | 0                  | 0                  | 300                                | 0                  | 0                  |
| 17    | Lê Thanh Tùng              | 500        | 5,000,000   | 0.01%  | 1                                          | 500                                              | 500                                       | 0                  | 0                  | 500                                | 0                  | 0                  |
| 18    | Lê Thị Hồng Yến            | 500        | 5,000,000   | 0.01%  | 1                                          | 500                                              | 500                                       | 0                  | 0                  | 500                                | 0                  | 0                  |
| 19    | Lê Thị Quyên               | 500        | 5,000,000   | 0.01%  | 1                                          | 500                                              | 500                                       | 0                  | 0                  | 500                                | 0                  | 0                  |
| 20    | Lê Thị Thu Hiền            | 1,755      | 17,550,000  | 0.04%  | 1                                          | 1,755                                            | 1,755                                     | 0                  | 0                  | 1,755                              | 0                  | 0                  |
| 21    | Lê Thị Tuyết Mai           | 1,500      | 15,000,000  | 0.03%  | 1                                          | 1,500                                            | 1,500                                     | 0                  | 0                  | 1,500                              | 0                  | 0                  |

| Số TT | Họ tên                 | Tổng số CP | Thành tiền     | Tỷ lệ  | Phiếu<br>hợp lệ số<br>1, Không<br>hợp lệ - | Số cổ phần<br>đại diện có<br>quyền biểu<br>quyết | NỘI DUNG 1_TỜ TRÌNH PHƯƠNG<br>ÁN CHÀO BÁN |                    |                    | NỘI DUNG 2_THÔNG QUA NGHỊ<br>QUYẾT |                    |                    |
|-------|------------------------|------------|----------------|--------|--------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------|--------------------|------------------------------------|--------------------|--------------------|
|       |                        |            |                |        |                                            |                                                  | Tán thành                                 | Không tán<br>thành | Không có<br>ý kiến | Tán thành                          | Không tán<br>thành | Không có<br>ý kiến |
| 22    | Lê Văn Vương           | 500        | 5,000,000      | 0.01%  | -                                          | 0                                                | 0                                         | 0                  | 0                  | 0                                  | 0                  | 0                  |
| 23    | Lê Đình Khánh Trang    | 2,841      | 28,410,000     | 0.06%  | 1                                          | 2,841                                            | 2,841                                     | 0                  | 0                  | 2,841                              | 0                  | 0                  |
| 24    | Lê Đình Thanh          | 7,020      | 70,200,000     | 0.14%  | 1                                          | 7,020                                            | 7,020                                     | 0                  | 0                  | 7,020                              | 0                  | 0                  |
| 25    | Lương Quốc Phong       | 100        | 1,000,000      | 0.002% | 1                                          | 100                                              | 100                                       | 0                  | 0                  | 100                                | 0                  | 0                  |
| 26    | Lưu Huỳnh Diệp Khuyên  | 200        | 2,000,000      | 0.004% | 1                                          | 200                                              | 200                                       | 0                  | 0                  | 200                                | 0                  | 0                  |
| 27    | Lưu Huỳnh Diệp Thảo    | 300        | 3,000,000      | 0.01%  | 1                                          | 300                                              | 300                                       | 0                  | 0                  | 300                                | 0                  | 0                  |
| 28    | Lưu Thị Nga            | 885        | 8,850,000      | 0.02%  | -                                          | 0                                                | 0                                         | 0                  | 0                  | 0                                  | 0                  | 0                  |
| 29    | Lương Quốc Bảo         | 200        | 2,000,000      | 0.00%  | 1                                          | 200                                              | 200                                       | 0                  | 0                  | 200                                | 0                  | 0                  |
| 30    | Mai Thị Lệ Quyên       | 500        | 5,000,000      | 0.01%  | -                                          | 0                                                | 0                                         | 0                  | 0                  | 0                                  | 0                  | 0                  |
| 31    | Nguyễn Dương Minh Na   | 500        | 5,000,000      | 0.01%  | 1                                          | 500                                              | 500                                       | 0                  | 0                  | 500                                | 0                  | 0                  |
| 32    | Nguyễn Dương Từ Vi     | 200        | 2,000,000      | 0.004% | 1                                          | 200                                              | 200                                       | 0                  | 0                  | 200                                | 0                  | 0                  |
| 33    | Nguyễn Hữu Cấp         | 3,000      | 30,000,000     | 0.06%  | 1                                          | 3,000                                            | 3,000                                     | 0                  | 0                  | 3,000                              | 0                  | 0                  |
| 34    | Nguyễn Hữu Đức         | 500        | 5,000,000      | 0.01%  | -                                          | 0                                                | 0                                         | 0                  | 0                  | 0                                  | 0                  | 0                  |
| 35    | Nguyễn Phi Hùng        | 338        | 3,380,000      | 0.01%  | 1                                          | 338                                              | 338                                       | 0                  | 0                  | 338                                | 0                  | 0                  |
| 36    | Nguyễn Sinh Dũng Thắng | 100        | 1,000,000      | 0.002% | -                                          | 0                                                | 0                                         | 0                  | 0                  | 0                                  | 0                  | 0                  |
| 37    | Nguyễn Thành Trung     | 500        | 5,000,000      | 0.01%  | 1                                          | 500                                              | 500                                       | 0                  | 0                  | 500                                | 0                  | 0                  |
| 38    | Nguyễn Thị Linh Huệ    | 500        | 5,000,000      | 0.01%  | 1                                          | 500                                              | 500                                       | 0                  | 0                  | 500                                | 0                  | 0                  |
| 39    | Nguyễn Thị Mai Trâm    | 900        | 9,000,000      | 0.02%  | 1                                          | 900                                              | 900                                       | 0                  | 0                  | 900                                | 0                  | 0                  |
| 40    | Nguyễn Thị Mỹ          | 600        | 6,000,000      | 0.01%  | -                                          | 0                                                | 0                                         | 0                  | 0                  | 0                                  | 0                  | 0                  |
| 41    | Nguyễn Thị Ngọc Hân    | 100        | 1,000,000      | 0.002% | 1                                          | 100                                              | 100                                       | 0                  | 0                  | 100                                | 0                  | 0                  |
| 42    | Nguyễn Thị Thu Lý      | 400        | 4,000,000      | 0.01%  | 1                                          | 400                                              | 400                                       | 0                  | 0                  | 400                                | 0                  | 0                  |
| 43    | Nguyễn Thị Thu Thảo    | 680        | 6,800,000      | 0.01%  | 1                                          | 680                                              | 680                                       | 0                  | 0                  | 680                                | 0                  | 0                  |
| 44    | Nguyễn Thị Thảo        | 1,163,000  | 11,630,000,000 | 23.26% | 1                                          | 1,163,000                                        | 1,163,000                                 | 0                  | 0                  | 1,163,000                          | 0                  | 0                  |

| Số TT | Họ tên                  | Tổng số CP | Thành tiền    | Tỷ lệ | Phiếu<br>hợp lệ số<br>1, Không<br>hợp lệ - | Số cổ phần<br>đại diện có<br>quyền biểu<br>quyết | NỘI DUNG 1_TỜ TRÌNH PHƯƠNG<br>ÁN CHÀO BÁN |                    |                    | NỘI DUNG 2_THÔNG QUA NGHỊ<br>QUYẾT |                    |                    |
|-------|-------------------------|------------|---------------|-------|--------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------|--------------------|------------------------------------|--------------------|--------------------|
|       |                         |            |               |       |                                            |                                                  | Tán thành                                 | Không tán<br>thành | Không có<br>ý kiến | Tán thành                          | Không tán<br>thành | Không có<br>ý kiến |
| 45    | Nguyễn Thị Yến          | 2,100      | 21,000,000    | 0.04% | -                                          | 0                                                | 0                                         | 0                  | 0                  | 0                                  | 0                  | 0                  |
| 46    | Nguyễn Văn Tèo          | 1,300      | 13,000,000    | 0.03% | -                                          | 0                                                | 0                                         | 0                  | 0                  | 0                                  | 0                  | 0                  |
| 47    | Ngô Thị Xuân Hiếu       | 1,680      | 16,800,000    | 0.03% | 1                                          | 1,680                                            | 1,680                                     | 0                  | 0                  | 1,680                              | 0                  | 0                  |
| 48    | Nguyễn Hoàng Anh        | 500        | 5,000,000     | 0.01% | 1                                          | 500                                              | 500                                       | 0                  | 0                  | 500                                | 0                  | 0                  |
| 49    | Nguyễn Hoàng Khánh Linh | 500        | 5,000,000     | 0.01% | -                                          | 0                                                | 0                                         | 0                  | 0                  | 0                                  | 0                  | 0                  |
| 50    | Nguyễn Thanh Hà         | 500        | 5,000,000     | 0.01% | 1                                          | 500                                              | 500                                       | 0                  | 0                  | 500                                | 0                  | 0                  |
| 51    | Nguyễn Thị Bích Tuyền   | 140        | 1,400,000     | 0.00% | 1                                          | 140                                              | 140                                       | 0                  | 0                  | 140                                | 0                  | 0                  |
| 52    | Nguyễn Thị Dạ Thảo      | 500        | 5,000,000     | 0.01% | -                                          | 0                                                | 0                                         | 0                  | 0                  | 0                                  | 0                  | 0                  |
| 53    | Nguyễn Thị Hương        | 500        | 5,000,000     | 0.01% | 1                                          | 500                                              | 500                                       | 0                  | 0                  | 500                                | 0                  | 0                  |
| 54    | Nguyễn Thị Hải          | 1,700      | 17,000,000    | 0.03% | 1                                          | 1,700                                            | 1,700                                     | 0                  | 0                  | 1,700                              | 0                  | 0                  |
| 55    | Nguyễn Thị Hồng Nhung   | 4,335      | 43,350,000    | 0.09% | 1                                          | 4,335                                            | 0                                         | 0                  | 4,335              | 0                                  | 0                  | 4,335              |
| 56    | Nguyễn Thị Khánh Quyên  | 2,841      | 28,410,000    | 0.06% | 1                                          | 2,841                                            | 0                                         | 0                  | 2,841              | 0                                  | 0                  | 2,841              |
| 57    | Nguyễn Thị Kim Cúc      | 100,000    | 1,000,000,000 | 2.00% | -                                          | 0                                                | 0                                         | 0                  | 0                  | 0                                  | 0                  | 0                  |
| 58    | Nguyễn Thị Kim Hồng     | 4,400      | 44,000,000    | 0.09% | 1                                          | 4,400                                            | 4,400                                     | 0                  | 0                  | 4,400                              | 0                  | 0                  |
| 59    | Nguyễn Thị Kim Thủy     | 5,008      | 50,080,000    | 0.10% | 1                                          | 5,008                                            | 5,008                                     | 0                  | 0                  | 5,008                              | 0                  | 0                  |
| 60    | Nguyễn Thị Như Quỳnh    | 500        | 5,000,000     | 0.01% | 1                                          | 500                                              | 500                                       | 0                  | 0                  | 500                                | 0                  | 0                  |
| 61    | Nguyễn Thị Nường        | 1,755      | 17,550,000    | 0.04% | 1                                          | 1,755                                            | 1,755                                     | 0                  | 0                  | 1,755                              | 0                  | 0                  |
| 62    | Nguyễn Thị Quỳnh Anh    | 500        | 5,000,000     | 0.01% | -                                          | 0                                                | 0                                         | 0                  | 0                  | 0                                  | 0                  | 0                  |
| 63    | Nguyễn Thị Thanh Hiền   | 4,930      | 49,300,000    | 0.10% | 1                                          | 4,930                                            | 4,930                                     | 0                  | 0                  | 4,930                              | 0                  | 0                  |
| 64    | Nguyễn Thị Thanh Tuyền  | 1,755      | 17,550,000    | 0.04% | 1                                          | 1,755                                            | 1,755                                     | 0                  | 0                  | 1,755                              | 0                  | 0                  |
| 65    | Nguyễn Thị Thiện Tâm    | 500        | 5,000,000     | 0.01% | -                                          | 0                                                | 0                                         | 0                  | 0                  | 0                                  | 0                  | 0                  |
| 66    | Nguyễn Thị Thúy Oanh    | 500        | 5,000,000     | 0.01% | 1                                          | 500                                              | 500                                       | 0                  | 0                  | 500                                | 0                  | 0                  |
| 67    | Nguyễn Thị Tuất         | 600        | 6,000,000     | 0.01% | 1                                          | 600                                              | 600                                       | 0                  | 0                  | 600                                | 0                  | 0                  |

| Số TT | Họ tên                | Tổng số CP | Thành tiền    | Tỷ lệ | Phiếu<br>hợp lệ số<br>1, Không<br>hợp lệ - | Số cổ phần<br>đại diện có<br>quyền biểu<br>quyết | NỘI DUNG 1_TỜ TRÌNH PHƯƠNG<br>ÁN CHÀO BÁN |                    |                    | NỘI DUNG 2_THÔNG QUA NGHỊ<br>QUYẾT |                    |                    |
|-------|-----------------------|------------|---------------|-------|--------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------|--------------------|------------------------------------|--------------------|--------------------|
|       |                       |            |               |       |                                            |                                                  | Tán thành                                 | Không tán<br>thành | Không có<br>ý kiến | Tán thành                          | Không tán<br>thành | Không có<br>ý kiến |
| 68    | Nguyễn Thụy Đông Ngân | 3,081      | 30,810,000    | 0.06% | 1                                          | 3,081                                            | 0                                         | 0                  | 3,081              | 0                                  | 0                  | 3,081              |
| 69    | Nguyễn Việt Đức       | 500        | 5,000,000     | 0.01% | -                                          | 0                                                | 0                                         | 0                  | 0                  | 0                                  | 0                  | 0                  |
| 70    | Nguyễn Văn Liên       | 15,575     | 155,750,000   | 0.31% | -                                          | 0                                                | 0                                         | 0                  | 0                  | 0                                  | 0                  | 0                  |
| 71    | Nguyễn Văn Đăng       | 500        | 5,000,000     | 0.01% | 1                                          | 500                                              | 500                                       | 0                  | 0                  | 500                                | 0                  | 0                  |
| 72    | Nguyễn Xuân Bình      | 500        | 5,000,000     | 0.01% | -                                          | 0                                                | 0                                         | 0                  | 0                  | 0                                  | 0                  | 0                  |
| 73    | Nguyễn Đức Minh       | 500        | 5,000,000     | 0.01% | -                                          | 0                                                | 0                                         | 0                  | 0                  | 0                                  | 0                  | 0                  |
| 74    | Ngô Thị Thanh Phương  | 2,214      | 22,140,000    | 0.04% | 1                                          | 2,214                                            | 2,214                                     | 0                  | 0                  |                                    | 0                  | 2,214              |
| 75    | Ngô Tường Vịnh        | 455        | 4,550,000     | 0.01% | 1                                          | 455                                              | 455                                       | 0                  | 0                  | 455                                | 0                  | 0                  |
| 76    | Phan Thị Yên Hà       | 197,723    | 1,977,230,000 | 3.95% | 1                                          | 197,723                                          | 197,723                                   | 0                  | 0                  | 197,723                            | 0                  | 0                  |
| 77    | Phạm Thị Nhân         | 100        | 1,000,000     | 0.00% | 1                                          | 100                                              | 100                                       | 0                  | 0                  | 100                                | 0                  | 0                  |
| 78    | Phạm Thị Thanh        | 7,359      | 73,590,000    | 0.15% | 1                                          | 7,359                                            | 7,359                                     | 0                  | 0                  | 7,359                              | 0                  | 0                  |
| 79    | Phạm Trung Tín        | 100        | 1,000,000     | 0.00% | -                                          | 0                                                | 0                                         | 0                  | 0                  | 0                                  | 0                  | 0                  |
| 80    | Phạm Văn Lễ           | 400        | 4,000,000     | 0.01% | 1                                          | 400                                              | 400                                       | 0                  | 0                  | 400                                | 0                  | 0                  |
| 81    | Phan Hoàng Phong      | 500        | 5,000,000     | 0.01% | 1                                          | 500                                              | 500                                       | 0                  | 0                  | 500                                | 0                  | 0                  |
| 82    | Phan Ngọc Thiên       | 500        | 5,000,000     | 0.01% | -                                          | 0                                                | 0                                         | 0                  | 0                  | 0                                  | 0                  | 0                  |
| 83    | Phan Thị Lam          | 2,457      | 24,570,000    | 0.05% | -                                          | 0                                                | 0                                         | 0                  | 0                  | 0                                  | 0                  | 0                  |
| 84    | Phan Thị Minh Hiền    | 1,345      | 13,450,000    | 0.03% | 1                                          | 1,345                                            |                                           | 0                  | 1,345              |                                    | 0                  | 1,345              |
| 85    | Phan Thị Ngộ          | 16,263     | 162,630,000   | 0.33% | 1                                          | 16,263                                           | 16,263                                    | 0                  | 0                  |                                    | 0                  | 16,263             |
| 86    | Phan Vũ Ninh          | 360        | 3,600,000     | 0.01% | 1                                          | 360                                              | 360                                       | 0                  | 0                  | 360                                | 0                  | 0                  |
| 87    | Phạm Hồng Quân        | 12,404     | 124,040,000   | 0.25% | -                                          | 0                                                | 0                                         | 0                  | 0                  | 0                                  | 0                  | 0                  |
| 88    | Phạm Thùy Dương       | 500        | 5,000,000     | 0.01% | 1                                          | 500                                              | 500                                       | 0                  | 0                  | 500                                | 0                  | 0                  |
| 89    | Phạm Thị Thu Hằng     | 200        | 2,000,000     | 0.00% | 1                                          | 200                                              | 200                                       | 0                  | 0                  | 200                                | 0                  | 0                  |
| 90    | Phạm Thị Xuân Phúc    | 500        | 5,000,000     | 0.01% | -                                          | 0                                                | 0                                         | 0                  | 0                  | 0                                  | 0                  | 0                  |

| Số TT | Họ tên             | Tổng số CP | Thành tiền  | Tỷ lệ  | Phiếu<br>hợp lệ số<br>1, Không<br>hợp lệ - | Số cổ phần<br>đại diện có<br>quyền biểu<br>quyết | NỘI DUNG 1_TỜ TRÌNH PHƯƠNG<br>ÁN CHÀO BÁN |                    |                    | NỘI DUNG 2_THÔNG QUA NGHỊ<br>QUYẾT |                    |                    |
|-------|--------------------|------------|-------------|--------|--------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------|--------------------|------------------------------------|--------------------|--------------------|
|       |                    |            |             |        |                                            |                                                  | Tán thành                                 | Không tán<br>thành | Không có<br>ý kiến | Tán thành                          | Không tán<br>thành | Không có<br>ý kiến |
| 91    | Phạm Văn Năng      | 2,500      | 25,000,000  | 0.05%  | 1                                          | 2,500                                            | 2,500                                     | 0                  | 0                  | 2,500                              | 0                  | 0                  |
| 92    | Trần Thị Hồng Minh | 2,500      | 25,000,000  | 0.05%  | -                                          | 0                                                | 0                                         | 0                  | 0                  | 0                                  | 0                  | 0                  |
| 93    | Trần Vũ Anh Thảo   | 16,300     | 163,000,000 | 0.33%  | 1                                          | 16,300                                           | 16,300                                    | 0                  | 0                  | 16,300                             | 0                  | 0                  |
| 94    | Trịnh Văn Việt     | 200        | 2,000,000   | 0.004% | -                                          | 0                                                | 0                                         | 0                  | 0                  | 0                                  | 0                  | 0                  |
| 95    | Thái Vĩnh Anh Thư  | 1,068      | 10,680,000  | 0.02%  | 1                                          | 1,068                                            | 0                                         | 0                  | 1,068              | 0                                  | 0                  | 1,068              |
| 96    | Trương Quốc Việt   | 5,557      | 55,570,000  | 0.11%  | -                                          | 0                                                | 0                                         | 0                  | 0                  | 0                                  | 0                  | 0                  |
| 97    | Trần Lưu Vĩnh Thái | 500        | 5,000,000   | 0.01%  | -                                          | 0                                                | 0                                         | 0                  | 0                  | 0                                  | 0                  | 0                  |
| 98    | Trần Phiến         | 6,338      | 63,380,000  | 0.13%  | -                                          | 0                                                | 0                                         | 0                  | 0                  | 0                                  | 0                  | 0                  |
| 99    | Trần Sĩ Nguyên     | 3,120      | 31,200,000  | 0.06%  | 1                                          | 3,120                                            | 3,120                                     | 0                  | 0                  | 3,120                              | 0                  | 0                  |
| 100   | Trần Thái Nhân     | 2,000      | 20,000,000  | 0.04%  | 1                                          | 2,000                                            | 2,000                                     | 0                  | 0                  | 2,000                              | 0                  | 0                  |
| 101   | Trần Thị Bội       | 1,521      | 15,210,000  | 0.03%  | -                                          | 0                                                | 0                                         | 0                  | 0                  | 0                                  | 0                  | 0                  |
| 102   | Trần Thị Nhẫn      | 5,259      | 52,590,000  | 0.11%  | -                                          | 0                                                | 0                                         | 0                  | 0                  | 0                                  | 0                  | 0                  |
| 103   | Trần Thị Thời      | 624        | 6,240,000   | 0.01%  | 1                                          | 624                                              | 624                                       | 0                  | 0                  | 624                                | 0                  | 0                  |
| 104   | Trần Trung Thành   | 3,000      | 30,000,000  | 0.06%  | -                                          | 0                                                | 0                                         | 0                  | 0                  | 0                                  | 0                  | 0                  |
| 105   | Trịnh Thị Huệ      | 300        | 3,000,000   | 0.01%  | 1                                          | 300                                              | 300                                       | 0                  | 0                  | 300                                | 0                  | 0                  |
| 106   | Tô Kiều Ngân       | 500        | 5,000,000   | 0.01%  | -                                          | 0                                                | 0                                         | 0                  | 0                  | 0                                  | 0                  | 0                  |
| 107   | Tạ Việt Bằng       | 1,500      | 15,000,000  | 0.03%  | 1                                          | 1,500                                            | 1,500                                     | 0                  | 0                  | 1,500                              | 0                  | 0                  |
| 108   | Võ Lê Ngọc Diệp    | 2,333      | 23,330,000  | 0.05%  | 1                                          | 2,333                                            | 2,333                                     | 0                  | 0                  | 2,333                              | 0                  | 0                  |
| 109   | Võ Quang Trí       | 500        | 5,000,000   | 0.01%  | 1                                          | 500                                              | 500                                       | 0                  | 0                  | 500                                | 0                  | 0                  |
| 110   | Võ Thanh Phương    | 3,430      | 34,300,000  | 0.07%  | -                                          | 0                                                | 0                                         | 0                  | 0                  | 0                                  | 0                  | 0                  |
| 111   | Võ Thị Kim Phượng  | 1,000      | 10,000,000  | 0.02%  | 1                                          | 1,000                                            | 1,000                                     | 0                  | 0                  | 1,000                              | 0                  | 0                  |
| 112   | Võ Thị Thanh       | 3,829      | 38,290,000  | 0.08%  | 1                                          | 3,829                                            | 3,829                                     | 0                  | 0                  | 3,829                              | 0                  | 0                  |
| 113   | Võ Thị Thu Thuận   | 4,004      | 40,040,000  | 0.08%  | -                                          | 0                                                | 0                                         | 0                  | 0                  | 0                                  | 0                  | 0                  |

| Số TT            | Họ tên                                     | Tổng số CP       | Thành tiền            | Tỷ lệ       | Phiếu<br>hợp lệ số<br>1, Không<br>hợp lệ - | Số cổ phần<br>đại diện có<br>quyền biểu<br>quyết | NỘI DUNG 1_TỜ TRÌNH PHƯƠNG<br>ÁN CHÀO BÁN |                    |                    | NỘI DUNG 2_THÔNG QUA NGHỊ<br>QUYẾT |                    |                    |
|------------------|--------------------------------------------|------------------|-----------------------|-------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------|--------------------|------------------------------------|--------------------|--------------------|
|                  |                                            |                  |                       |             |                                            |                                                  | Tán thành                                 | Không tán<br>thành | Không có<br>ý kiến | Tán thành                          | Không tán<br>thành | Không có<br>ý kiến |
| 114              | Vũ Kim Oanh                                | 500              | 5,000,000             | 0.01%       | -                                          | 0                                                | 0                                         | 0                  | 0                  | 0                                  | 0                  | 0                  |
| 115              | Vũ Thanh Nhân                              | 755              | 7,550,000             | 0.02%       | -                                          | 0                                                | 0                                         | 0                  | 0                  | 0                                  | 0                  | 0                  |
| 116              | Vũ Thị Thùy Dung                           | 1,555            | 15,550,000            | 0.03%       | 1                                          | 1,555                                            | 1,555                                     | 0                  | 0                  | 1,555                              | 0                  | 0                  |
| 117              | Đinh Thanh Trung                           | 100              | 1,000,000             | 0.00%       | 1                                          | 100                                              | 100                                       | 0                  | 0                  | 100                                | 0                  | 0                  |
| 118              | Đinh Tuyết Hương                           | 500              | 5,000,000             | 0.01%       | -                                          | 0                                                | 0                                         | 0                  | 0                  | 0                                  | 0                  | 0                  |
| 119              | Đoàn Thị Diễm Thảo                         | 1,050,000        | 10,500,000,000        | 21.00%      | 1                                          | 1,050,000                                        | 1,050,000                                 | 0                  | 0                  | 1,050,000                          | 0                  | 0                  |
| 120              | Đoàn Thị Hoàn                              | 400              | 4,000,000             | 0.01%       | 1                                          | 400                                              | 400                                       | 0                  | 0                  | 400                                | 0                  | 0                  |
| 121              | Đoàn Thị Ngọc Châu                         | 500              | 5,000,000             | 0.01%       | 1                                          | 500                                              | 500                                       | 0                  | 0                  | 500                                | 0                  | 0                  |
| 122              | Đặng Dị Thảo                               | 885              | 8,850,000             | 0.02%       | -                                          | 0                                                | 0                                         | 0                  | 0                  | 0                                  | 0                  | 0                  |
| 123              | Đặng Thị Mỹ Linh                           | 2,708            | 27,080,000            | 0.05%       | 1                                          | 2,708                                            | 2,708                                     | 0                  | 0                  | 2,708                              | 0                  | 0                  |
| 124              | Đặng Thị Xuân Hương                        | 25,356           | 253,560,000           | 0.51%       | 1                                          | 25,356                                           | 25,356                                    | 0                  | 0                  | 25,356                             | 0                  | 0                  |
| 125              | Đỗ Cừ Nhân                                 | 3,000            | 30,000,000            | 0.06%       | 1                                          | 3,000                                            | 3,000                                     | 0                  | 0                  | 3,000                              | 0                  | 0                  |
| 126              | Công ty CP Chứng khoán Beta                | 360,000          | 3,600,000,000         | 7.20%       | 1                                          | 360,000                                          | 360,000                                   | 0                  | 0                  | 360,000                            | 0                  | 0                  |
| 127              | Công ty CP Đầu tư Bất động sản<br>Nam Việt | 900,000          | 9,000,000,000         | 18.00%      | 1                                          | 900,000                                          | 900,000                                   | 0                  | 0                  | 900,000                            | 0                  | 0                  |
| 128              | Công ty CP Dịch vụ Điện tử Việt            | 949,964          | 9,499,640,000         | 19.00%      | 1                                          | 949,964                                          | 949,964                                   | 0                  | 0                  | 949,964                            | 0                  | 0                  |
| <b>Tổng cộng</b> |                                            | <b>5,000,000</b> | <b>50,000,000,000</b> | <b>100%</b> | <b>85</b>                                  | <b>4,803,933</b>                                 | <b>4,788,327</b>                          | <b>0</b>           | <b>15,606</b>      | <b>4,769,850</b>                   | <b>0</b>           | <b>34,083</b>      |

### KẾT QUẢ KIỂM PHIẾU

| STT | Nội dung              | Tổng số<br>phiếu tán<br>thành | Tỷ lệ         | Tổng số<br>phiếu<br>không tán<br>thành | Tỷ lệ     | Tổng số phiếu<br>không có ý kiến | Tỷ lệ        |
|-----|-----------------------|-------------------------------|---------------|----------------------------------------|-----------|----------------------------------|--------------|
| 1   | <b>NỘI<br/>DUNG 1</b> | <b>4,788,327</b>              | <b>99.68%</b> | <b>0</b>                               | <b>0%</b> | <b>15,606</b>                    | <b>0.32%</b> |
| 2   | <b>NỘI<br/>DUNG 2</b> | <b>4,769,850</b>              | <b>99.29%</b> | <b>0</b>                               | <b>0%</b> | <b>34,083</b>                    | <b>0.71%</b> |